

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ số lượng người làm việc và hợp đồng lao động ở vị trí chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 26/04/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 26/04/2022;

Căn cứ Quyết định số 666/QĐ-UBND ngày 26/3/2025 của UBND tỉnh về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan hành chính, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, biên chế hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ và hợp đồng lao động ở vị trí chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập, năm 2025;

Căn cứ Công văn số 1290/SNV-TCBC ngày 09/05/2025 của Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Cư M'gar;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ tại Tờ trình số 99/TTr-PNV ngày 12/05/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ số lượng người làm việc và hợp đồng lao động ở vị trí chuyên môn, nghiệp vụ của các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân huyện năm 2025, cụ thể như sau:

1. Tổng số người làm việc (biên chế sự nghiệp giáo dục công lập) là: **2.443** người, gồm:

- + Bậc Mầm non: **502** người;
- + Bậc Tiểu học: **1.083** người;
- + Bậc Trung học cơ sở: **826** người;
- + Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên: **32** người.

2. Tổng số lượng hợp đồng vị trí chuyên môn nghiệp vụ (giáo viên) theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Phụ lục số IV, Quyết định số 666/QĐ-UBND ngày 26/3/2025 là: **55 người**, gồm:

- + Bậc mầm non: **32 người**;
- + Bậc Tiểu học: **16 người**;
- + Bậc Trung học cơ sở: **07 người**;

(Chi tiết kèm theo biểu đính kèm)

Điều 2. Giao Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập có trách nhiệm quản lý, sử dụng số lượng người làm việc theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND và UBND, Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Phòng Nội vụ;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Phòng Giao dịch số 19 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIV;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Vũ Hồng Nhật

Số lượng người làm việc được giao năm 2025

SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC ĐƯỢC GIAO NĂM 2025															Ghi chú					
STT	Cấp học	Tổng số lớp	Số học sinh năm học 2024-2025					Tổng số	Quản lý	Tổng số giáo viên	Biên chế giáo viên	Giáo viên HD ND 111 (theo PL số IV QĐ 666)	Nhân viên (không tính bảo vệ, tạp vụ)							
			Số học sinh	Số học sinh	Số học sinh	Số học sinh	Số học sinh													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	17	18	19	20	21	22	23
II. Tiểu học Cư M'gar		600	18.721	126	3.813	124	3.813	119	3.818	115	3.670	116	3.607	1.099	72	907	891	16	120	
II.1. VÙNG 1 (Không)																				
II.2. VÙNG 2		464	14.115	97	2.874	96	2.884	92	2.876	89	2.761	90	2.720	838	53	695	681	14	90	
1	Trường Tiểu học Anna Trang Long	21	645	4	125	4	125	5	145	4	124	4	126	39	3	32	31	1	4	
2	Trường Tiểu học Bế Văn Đàn	12	362	2	68	2	60	2	71	3	89	3	74	24	2	19	18	1	3	
3	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân	17	441	5	90	3	87	3	90	3	83	3	91	32	2	25	24	1	5	
4	Trường Tiểu học Chu Văn An	28	859	7	179	7	179	5	171	5	179	4	151	50	3	42	40	2	5	
5	Trường Tiểu học Huỳnh Thúc Kháng	11	281	2	54	2	56	2	55	2	55	3	61	22	2	17	17	0	3	
6	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	21	666	4	123	5	134	4	141	4	130	4	138	38	2	31	31	0	5	
7	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	15	483	3	102	3	112	3	78	3	103	3	88	30	2	23	22	1	5	
8	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt	21	662	4	128	4	121	4	129	4	138	5	146	36	2	30	29	1	4	
9	Trường Tiểu học Lý Tự Trọng	21	548	4	109	5	119	4	115	4	109	4	96	38	3	31	31	0	4	
10	Trường Tiểu học Mạc Thị Bưởi	30	875	6	175	6	171	6	168	6	184	6	177	51	2	44	43	1	5	
11	Trường Tiểu học Ngô Gia Tự	10	245	2	45	2	50	2	46	2	53	2	51	21	2	16	16	0	3	
12	Trường Tiểu học Nguyễn Công Trứ	10	297	2	58	2	61	2	57	2	61	2	60	21	2	16	16	0	3	
13	Trường Tiểu học Nguyễn Đức Cảnh	15	443	3	91	3	86	3	99	3	84	3	83	28	2	23	22	1	3	
14	Trường Tiểu học Nguyễn Khuyến	32	1.057	7	232	7	214	6	246	6	183	6	182	53	3	46	46	0	4	
15	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	10	285	2	60	2	63	2	55	2	51	2	56	21	2	16	16	0	3	
16	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	23	746	4	139	4	145	5	142	5	159	5	161	41	2	35	35	0	4	
17	Trường Tiểu học Phạm Hồng Thái	20	621	4	130	4	127	4	120	4	130	4	114	38	3	30	30	0	5	
18	Trường Tiểu học Phan Bội Châu	25	785	5	156	5	165	5	172	5	147	5	145	44	2	38	36	2	4	
19	Trường Tiểu học Phan Chu Trinh	26	939	6	219	6	195	5	183	4	156	5	186	44	2	38	38	0	4	
20	Trường Tiểu học Phan Đăng Lưu	11	314	2	59	2	61	3	68	2	59	2	67	23	2	18	18	0	3	

Số trường, số lớp, số học sinh năm học 2024-2025														Số lượng người làm việc được giao năm 2025						Ghi chú
STT	Cấp học	Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Tổng số	Quản lý	Tổng số giáo viên	Biên chế giáo viên	Giáo viên HD ND 111 (theo PL số IV QĐ 666)	Nhân viên (không tính bảo vệ, tạp vụ)	
				Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh							
21	Trường Tiểu học Trưng Vương	20	645	5	144	5	161	4	126	3	105	3	109	35	2	30	30	0	3	
22	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	12	324	3	60	3	78	2	68	2	58	2	60	24	2	18	18	0	4	
23	Trường Tiểu học Y Jút	20	685	4	143	4	141	4	140	4	130	4	131	36	2	30	29	1	4	
24	Trường THCS Đinh Núp (Bắc TH)	21	658	4	136	4	128	4	133	5	144	4	117	31	1	30	30	0	0	
25	Trường THCS Hùng Vương (Bắc TH)	12	249	3	49	2	45	3	58	2	47	2	50	18	1	17	16	1	0	
H.3. VÙNG 3		136	4.606	29	939	28	929	27	942	26	909	26	887	261	19	212	210	2	30	
1	Trường Tiểu học Lê Đình Chinh	28	898	5	179	6	181	6	193	6	179	5	166	49	3	42	42	0	4	
2	Trường Tiểu học Lê Lợi	21	769	5	161	4	154	4	151	4	164	4	139	40	3	32	32	0	5	
3	Trường Tiểu học Lê Văn Tâm	12	377	3	81	3	79	2	67	2	75	2	75	24	2	19	19	0	3	
4	Trường Tiểu học Nguyễn Chí Thanh	21	663	5	145	4	127	4	141	4	131	4	119	40	3	32	31	1	5	
5	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	19	763	4	161	4	162	4	152	3	133	4	155	36	2	30	30	0	4	
6	Trường Tiểu học Quang Trung	15	549	3	106	3	113	3	113	3	107	3	110	30	2	25	25	0	3	
7	Trường Tiểu học Trần Phú	10	304	2	50	2	63	2	75	2	65	2	51	21	2	16	16	0	3	
8	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản	10	283	2	56	2	50	2	50	2	55	2	72	21	2	16	15	1	3	